

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 (DỰ ƯỚC) HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thanh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
I	Diện tích tự nhiên	108.914,44	1.525,54	671,64	20.950,32	40.108,42	27.899,83	5.266,18	1.108,65	1.354,36	2.282,75	1.848,13	3.140,18	2.758,44
1	Đất nông nghiệp	89.055,78	1.205,61	400,51	19.379,09	27.789,50	26.571,65	4.508,70	846,22	803,75	1.373,04	1.575,82	2.300,99	2.300,90
1.1	Đất trồng lúa	1.554,18	222,32	177,72	-	-	-	536,55	153,66	100,79	231,91	-	94,78	36,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.304,81	212,41	177,38	-	-	-	533,82	109,93	86,35	155,68	-	-	29,24
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.195,42	118,14	27,99	114,79	56,11	246,50	197,81	72,55	245,61	353,79	83,96	380,54	297,63
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.701,14	844,51	193,92	866,59	480,17	2.316,93	1.985,63	611,63	437,79	530,16	752,04	1.436,11	1.245,66
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	-	-	-	-	-	-	-	-	11,57	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.103,70	-	-	16.738,52	24.951,26	22.413,92	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	7.947,57	-	-	1.567,07	2.251,27	1.484,54	1.288,18	-	-	144,47	724,57	155,64	331,83
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	2.225,57	-	-	846,92	660,86	717,79	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.223,60	15,76	0,88	48,72	43,42	35,08	408,65	8,12	17,39	101,14	3,99	169,55	370,90
1.8	Đất nông nghiệp khác	318,60	4,88	-	43,40	7,27	74,68	91,88	0,26	2,17	-	11,26	64,37	18,43
2	Đất phi nông nghiệp	19.858,66	319,93	271,13	1.571,23	12.318,92	1.328,18	757,48	262,43	550,61	909,71	272,31	839,19	457,54
2.1	Đất quốc phòng	167,49	17,15	60,68	38,13	-	3,04	14,04	1,48	11,01	19,08	-	2,88	-
2.2	Đất an ninh	9,87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,87	-
2.3	Đất khu công nghiệp	120,96	-	-	-	-	-	5,97	-	114,99	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	158,47	-	-	-	-	-	64,32	-	-	94,15	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	59,31	0,31	0,43	0,31	22,99	0,79	1,01	5,11	4,52	1,73	0,12	15,50	6,49
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	325,47	8,96	11,33	0,64	1,07	3,87	71,48	0,31	28,28	143,32	15,63	20,47	20,11
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	457,56	-	-	-	-	-	10,98	-	62,97	304,73	-	17,82	61,06
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.773,45	60,17	42,09	209,47	229,43	150,28	279,93	78,53	118,77	149,73	62,97	196,56	195,52

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
	<i>Trong đó:</i>													
	- Đất giao thông	1.099,75	35,19	23,62	117,60	196,52	128,51	121,08	49,96	81,67	96,72	47,90	119,62	81,36
	- Đất thủy lợi	74,01	7,32	4,18	2,95	0,48	0,85	28,33	4,37	3,46	12,25	2,28	3,24	4,30
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	11,39	0,24	1,19	1,01	1,15	1,00	-	1,59	1,58	0,58	1,13	1,81	0,11
	- Đất cơ sở y tế	8,37	0,10	0,06	0,15	0,33	1,61	0,07	0,07	2,27	0,19	0,16	2,80	0,56
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	84,40	1,32	2,67	2,08	2,70	6,81	3,27	1,42	14,55	27,35	2,47	14,85	4,91
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	12,04	0,60	-	1,04	-	1,64	0,70	2,08	1,38	1,02	2,69	0,89	-
	- Đất công trình năng lượng	131,82	0,31	0,05	79,17	11,10	-	2,25	0,27	0,45	1,30	0,31	35,66	0,95
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,59	0,01	0,01	0,99	0,02	0,08	0,05	0,01	0,26	0,03	0,09	0,64	0,40
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	-	-	-	15,39	-	-	0,02	-	-	-	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	83,10	0,14	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,30	82,66
	- Đất cơ sở tôn giáo	30,29	2,36	2,79	1,09	0,25	3,77	2,20	3,94	0,60	2,41	-	3,67	7,21
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	216,25	12,58	7,52	3,17	1,45	5,73	121,98	13,03	12,40	7,88	5,94	12,32	12,25
	- Đất chợ	4,03	-	-	0,22	0,04	0,28	-	1,77	0,15	-	-	0,76	0,81
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,65	0,46	0,09	1,53	0,40	1,09	0,34	0,31	0,56	0,36	0,03	1,08	0,40
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,85	-	0,17	1,01	-	-	-	1,11	4,49	-	-	2,07	-
2.11	Đất ở tại nông thôn	940,37	61,97	58,74	39,57	22,07	94,50	108,49	104,54	187,81	79,22	37,95	-	145,51
2.12	Đất ở tại đô thị	178,05	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	178,05	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,50	0,38	0,85	0,65	1,88	1,09	0,76	0,29	1,70	1,17	0,81	8,43	0,49
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	15,14	-	-	-	5,21	5,49	0,12	-	0,21	-	0,48	3,63	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,38	3,05	1,80	0,39	0,16	-	0,75	2,38	1,75	1,60	0,50	0,88	0,12
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.718,60	167,48	94,95	459,22	128,99	194,52	174,87	68,37	13,55	114,62	153,82	120,37	27,84
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.886,54	-	-	820,31	11.906,72	873,51	24,42	-	-	-	-	261,58	-

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022	Kết quả đã, đang thực hiện		
				Diện tích	So sánh với kế hoạch	
					Tăng(+) giảm(-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	88.337,42	88.723,66	386,24	100,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.475,53	1.548,44	72,91	104,94
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.272,92</i>	<i>1.301,72</i>	<i>28,80</i>	<i>102,26</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.056,54	2.124,49	67,95	103,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	11.377,95	11.522,56	144,61	101,27
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11,57	11,57	-	100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	64.102,75	64.103,70	0,95	100,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.743,98	7.849,57	105,59	101,36
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>2.221,47</i>	<i>2.225,57</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.203,42	1.218,97	15,55	101,29
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	365,68	344,36	-21,32	94,17
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	20.577,02	20.190,78	-386,24	98,12
2.1	Đất quốc phòng	CQP	243,50	216,49	-27,01	88,91
2.2	Đất an ninh	CAN	10,49	10,07	-0,42	96,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	219,89	214,48	-5,41	97,54
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	259,19	252,01	-7,18	97,23
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	67,98	59,31	-8,67	87,25
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	334,29	311,28	-23,01	93,12
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	551,95	457,56	-94,39	82,90
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.967,87	1.808,50	-159,37	91,90
	- Đất giao thông	DGT	1.140,68	1.126,51	-14,17	98,76
	- Đất thủy lợi	DTL	73,41	74,01	0,60	100,82
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	11,89	11,39	-0,50	95,79
	- Đất cơ sở y tế	DYT	8,75	8,63	-0,12	98,63
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	95,66	90,75	-4,91	94,87
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	17,47	13,74	-3,73	78,65
	- Đất công trình năng lượng	DNL	263,44	131,82	-131,62	50,04
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2,61	2,59	-0,02	99,23
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	15,41	15,41	-	100,00
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	84,23	83,10	-1,13	98,66

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022	Kết quả đã, đang thực hiện		
				Diện tích	So sánh với kế hoạch	
					Tăng(+) giảm(-)	Tỷ lệ (%)
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	33,79	30,29	-3,50	89,64
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	216,49	216,23	-0,26	99,88
	- Đất chợ	DCH	4,04	4,03	-0,01	99,75
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,62	6,63	0,01	100,15
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	13,71	8,85	-4,86	64,55
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.038,62	1.014,44	-24,18	97,67
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	178,76	178,05	-0,71	99,60
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,36	18,29	0,93	105,36
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	16,04	15,14	-0,90	94,39
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	13,39	13,38	-0,01	99,93
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.749,76	1.719,76	-30,00	98,29
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	13.887,60	13.886,54	-1,06	99,99

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN VĨNH CỬU

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
I. Các dự án đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai								
1	Trường MN Bình Lợi	DGD	Bình Lợi	0,56	2018	x	x	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; Quyết định thu hồi đất từ số 5424/QĐ-UBND đến số 5425 /QĐ-UBND ngày 23/12/2019
2	Đường Bình Ninh	DGT	Bình Lợi	0,67	2021		x	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
3	Đường nội đồng cây Gõ	DGT	Bình Lợi	0,45	2021		x	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
4	Đường nội đồng giáo Tùng	DGT	Bình Lợi	0,65	2021		x	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
5	Trụ sở công an xã Mã Đà	CAN	Mã Đà	0,2	2017	x	HUY	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
6	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Mã Đà	DSH	Mã Đà	0,05	2017	x	HUY	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
7	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Mã Đà	DSH	Mã Đà	0,05	2017	x	HUY	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
8	Trường tiểu học Bàu Phụng (CS2)	DGD	Phú Lý	1,1	2020	x	x	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; Quyết định thu hồi đất từ số 63/QĐ-UBND đến số 68/QĐ-UBND ngày 16/01/2020
9	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty Cp chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	NKH	Phú Lý	27,35	2017	x	HUY	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
10	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản	NKH	Phú Lý	12,16	2016	x	HUY	Chủ đầu tư không đăng ký nhu cầu KHSĐ 2023
11	Mở rộng đường Cây Gõ	DGT	Thạnh Phú	0,5	2021		x	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
12	Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trị An (Cty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Chí Phú)	NKH	Trị An	1,13	2021		x	Đã được UBND tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 31/5/2020; đã hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1,13 ha. Đang xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
II. Dự án đang triển khai thực hiện								
II.1. Dự án đã có quyết định thu hồi đất								
13	Trạm y tế xã Mã Đà	DYT	Mã Đà	0,26	2018	x	x	Đang thu hồi đất; Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 về việc củng cố hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Trạm y tế xã Mã Đà
14	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	DGT	Tân An, Tri An, TT. Vĩnh An	50	2020	x	x	- Quyết định thu hồi đất từ số 4347/QĐ-UBND đến số 6206/QĐ-UBND ngày 23/10/2020. - Quyết định thu hồi đất từ số 6440/QĐ-UBND đến số 6583/QĐ-UBND ngày 05/11/2020. - Quyết định thu hồi đất từ số 1156/QĐ-UBND đến số 1404/QĐ-UBND ngày 30/3/2021.
15	Nạo vét Rạch Mọi	SON	Tân Bình, Bình Hòa	6,52	2019	x	x	- Quyết định thu hồi đất từ số 7217/QĐ-UBND đến số 342/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu. - Quyết định thu hồi đất từ số 11597/QĐ-UBND đến số 1666/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND huyện Vĩnh Cửu.
16	Trường TH Tân Phú xã Thạnh Phú (địa điểm mới ấp 1)	DGD	Thạnh Phú	2,2	2020	x	x	Quyết định thu hồi đất số 1867/QĐ-UBND ngày 21/7/2022
17	Cụm CN Thiện Tân	SKN	Thiện Tân	48,9	2016	x	x	Đang thu hồi (đã thu hồi 48,5 ha); đang thẩm định nhu cầu SĐĐ - đã hoàn thành lấy ý kiến các ngành và hoàn thiện bản vẽ để thực hiện giao đất ; đã bàn giao mặt bằng 65 hộ/48,5 ha; còn lại 01 hộ/0,4 ha đang lập thủ tục cưỡng chế
18	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú- Thiện Tân)	SKN	Thiện Tân	1,48	2018	x	HUY	Đã được UBND huyện xác nhận bồi thường tại Văn bản số 528/UBND-KT ngày 28/01/2019 và đã gửi hồ sơ xin thuê đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào đầu năm 2020 nhưng đến nay chưa có kết quả
19	Đường Vĩnh Tân - Tân An	DGT	Vĩnh Tân và Tân An	3	2019	x	x	- Quyết định thu hồi đất từ số 8434/QĐ-UBND đến số 8512/QĐ-UBND ngày 23/8/2021. - Quyết định thu hồi đất từ số 12000/QĐ-UBND đến số 12031/QĐ-UBND ngày 17/12/2021.

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
20	Công trình căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Vĩnh Cửu (gồm: Thao trường huấn luyện 15,19 ha và Căn cứ hậu cần kỹ thuật 33,81 ha)	CQP	Hiếu Liêm	49	2015	x	x	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020, hiện nay đang tiếp tục thu hồi; đã chi trả 13 hộ/26,3 ha còn lại 4 hộ/22,6 ha chưa chi trả tiền bồi thường; Văn bản số 2197/BCH-TM ngày 27/8/2021 về việc thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật và Thao trường huấn luyện của Ban CHQS huyện.
21	Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6	ONT	Hiếu Liêm	42,43	2016	x	x	Đã bàn giao mặt bằng 84 hộ/27,06 ha; còn lại 76 hộ/7,46 ha đang điều chỉnh ranh thu hồi đất; Quyết định thu hồi đất từ số 6964/QĐ-UBND đến số 7094 /QĐ-UBND ngày 30/11/2017; Thông báo thu hồi đất số 2053/TB-UBND đến Thông báo số 2097/TB-UBND ngày 11/9/2018
22	Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ)	ONT	Tân An	23,48	2020	x	x	Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư; đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 12/4/2021; Hiện nay, Công ty đã thoả thuận đền bù xong với các hộ dân trong ranh dự án với tổng diện tích là: 198.217,8 m2 (đạt 87% diện tích dự án)
23	Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An- huyện Vĩnh Cửu)	SKK	Tân An	58,6	2015	x	x	Tổng diện tích dự án là 56,41 ha trong đó đã thực hiện 3,9 ha và 46,97 ha đang bồi thường (22,8 ha đã phê duyệt phương án bồi thường - đã giải ngân và nhận tiền bồi thường; 25,91 ha chưa nhận tiền bồi thường, 3,8 ha chưa thực hiện công tác bồi thường - do đang vướng trong rà soát nguồn gốc đất); UBND tỉnh đã có Quyết định số 4499/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 điều chỉnh giá đất cụ thể của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2681/QĐ-UBND ngày 07/9/2015
24	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 9	DGT	Tân Bình	10,5	2020	x	x	- Quyết định thu hồi đất từ số 13528/QĐ-UBND đến số 13898/QĐ-UBND ngày 30/12/2021. - Thông báo thu hồi đất từ số 1821/TB-UBND đến số 2406/TB-UBND ngày 31/12/2020

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
25	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 7	DGT	Tân Bình, Bình Lợi	9,1	2020	x	x	- Quyết định thu hồi đất từ số 9496/QĐ-UBND đến số 9787/QĐ-UBND ngày 30/9/2021. - Quyết định thu hồi đất từ số 12726/QĐ-UBND đến số 13090/QĐ-UBND ngày 28/12/2021. - Thông báo thu hồi đất từ số 1014/TB-UBND đến số 1353/TB-UBND ngày 25/11/2020 - Thông báo thu hồi đất từ số 1454/TB-UBND đến số 1657/TB-UBND ngày 25/11/2020
26	Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH BĐS Trịnh Vũ Giáp)	ONT	Thanh Phú	5,62	2020	x	x	Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu; đã thu hồi 3,76 ha (đã hoàn thành cho giai đoạn 1)
27	Khu dân cư tập trung xã Thanh Phú	ONT	Thanh Phú	18,8	2022		x	Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Cty cổ phần Miền Đông đầu tư hạ tầng tại xã Thanh Phú; Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
28	Khu công nghiệp Thanh Phú	SKK	Thanh Phú	51,57	2015	x	x	Tổng diện tích đã hoàn thành bồi thường là 75,02 ha/114,39 ha; chưa bồi thường là 33,19 ha. Đã thuê đất 48.58 ha gồm 43,17 ha đợt 1 (đã có hợp đồng thuê đất) và 5,41 ha đợt 2 (đã có Quyết định thuê đất số 1131/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 nhưng chưa ban hành quyết định thuê đất do đang thẩm định giá. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục trình hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất để thuê 26 ha/75,92 ha đã hoàn thành bồi thường.
29	Nhà máy xử lý và tái chế rác thải tại xã Vĩnh Tân	DRA	Vĩnh Tân	5,06	2022		x	Đưa vào KH 2022 để hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
II.2. Dự án đã có thông báo thu hồi đất								
30	Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương Lộ 7	DGT	Bình Lợi	1,06	2021		x	- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; - Văn bản số 330/CV-BCS - UBND ngày 17/7/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh gửi BTV Tỉnh ủy xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng Cầu Bạch Đằng 2 nối 02 tỉnh Bình Dương và Đồng Nai
31	Trường TH-THCS Mã Đà	DGD	Mã Đà	1,53	2019	x	x	Thông báo thu hồi đất từ số 834/TB-UBND đến số 840/TB-UBND ngày 29/7/2021
32	Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao)	DTT	Mã Đà	1,7	2021		x	- Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu vv chấp thuận chủ trương đầu tư; đang thu hồi đất - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
33	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO)	SKN	Tân An	48,82	2020	x	x	Đã hoàn thành kiểm điểm 100% diện tích; xác nhận nguồn gốc đất 38/49 hồ sơ. Đã có chứng thư thẩm định giá nhưng chưa trình UBND tỉnh phê duyệt giá đất
34	Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 15	DGT	Thạnh Phú và Bình Lợi	9,6	2019	x	x	UBND tỉnh đã phê duyệt phương án thi công tại Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; Thông báo thu hồi đất từ số 425/TB-UBND đến số 1302/TB-UBND ngày 08/4/2022
II.3. Dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi								
35	Trụ sở Công an xã Thiện Tân	CAN	Thiện Tân	0,42	2022		x	BQLDA đề xuất hủy bỏ do chỉ thực hiện sửa chữa
36	Trường MN Thiện Tân	DGD	Thiện Tân	0,96	2020	x	x	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công trình trường MN Thiện Tân

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
37	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	DGD	TT.Vĩnh An	0,91	2021		x	- Quyết định 4194A/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi; đã xây dựng nhưng chưa làm thủ tục - Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Đã xây dựng xong nhưng chưa lập thủ tục thu hồi đất
38	Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm	DGT	Hiếu Liêm	3,4	2020	x	x	Quyết định chủ trương đầu tư số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện
39	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thạnh Phú đoạn đầu nối ra trục 16 xã Thạnh Phú theo quy hoạch	DGT	Thạnh Phú	0,1	2020	x	HUY	Quyết định chủ trương đầu tư số 452/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Chủ đầu tư đo vẽ, cắm mốc nhưng đang vướng mắc trong việc xác định nguồn gốc đất; Do vướng mắc trên nên đã chậm tiến độ triển khai thực hiện dự án theo quyết định chủ trương đầu tư; hiện nay Công ty đã gửi Sở KHĐT xin gia hạn chủ trương đầu tư (đơn xin ngày 26/5/2022) nhưng chưa có văn bản phản hồi
40	Đường Kỳ Lân	DGT	Thiện Tân	4	2020	x	x	Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
41	Via hè tuyến đường ĐT.768 nối dài (Đoạn từ nút giao thông ĐT 768 đến nút ĐT 762)	DGT	TT.Vĩnh An	1,68	2020	x	x	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về việc triển khai thực hiện NQ số 156/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C trên địa bàn huyện; đã triển khai nhưng chưa thực hiện công tác bồi thường
42	Đường Chu Văn An	DGT	TT.Vĩnh An	2,33	2022		x	Quyết định chủ trương đầu tư số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện
43	Cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	DGT	TT.Vĩnh An	0,5	2022		x	Quyết định chủ trương đầu tư số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện
44	Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng)	DNL	Hiếu Liêm	92,23	2021		x	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; đã hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc bồi thường giải phóng mặt bằng; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 2122/TTr-PTNMT ngày 30/8/2022 trình UBND huyện ban hành thông báo thu hồi đất; đã được HĐND tỉnh chấp thuận chủ CMTĐ đất rừng tại NQ số 05-HĐND ngày 15/4/2022

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
45	Phân pha dây dẫn đường dây 110Kv Trị An- Phú Giáo	DNL	Hiếu Liêm	0,09	2020	x	x	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định giao vốn: số 475/QĐ-EVN SPC ngày ngày 15/3/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 cho Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam. - Quyết định số 2093/QĐ-EVN SPC ngày 28/6/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình. - Sở TNMT Đồng Nai đã duyệt hồ sơ đo vẽ địa chính; đến nay chưa liên hệ UBND huyện thực hiện công tác bồi thường; - UBND tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 15046/UBND-KTN ngày 27/12/2019 về việc thống nhất phương án cải tạo nâng cấp đường đường dây công trình.
46	Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng	DNL	Hiếu Liêm	38,18	2021		x	<p>Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021</p>
47	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân	DNL	Trị An, TT Vĩnh An	0,26	2021		x	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân. - Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Chưa triển khai do đang lựa chọn nhà thầu

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
48	Đường dây 110 kV Định Quán 2 - Vĩnh An	DNL	TT.Vĩnh An	0,48	2017	x	x	- Văn bản số 13604/UBND-CNN ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định số 1037/QĐ-EVN SPC ngày 08/5/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt hiệu chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Đang lựa chọn nhà thầu
49	Trạm trung chuyển rác	DRA	Phú Lý	1	2022		x	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025
50	Nhà văn hóa ấp Bình Lục	DSH	Tân Bình	0,11	2022		x	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
51	Trạm Kiểm Lâm xã Phú Lý	DTS	Phú Lý	0,9	2022		x	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/1/2021 của UBND tỉnh duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nâng cao năng lực PCCC cho lực lượng kiểm lâm Đồng Nai GD 2016-220 và QĐ số 1579/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 Vv đính chính Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 (đã ghi vốn thực hiện).
52	Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên)	ONT	Tân Bình	2,7	2020	x	HUY	Quyết định số 2451/QĐ-UBND ngày 06/3/2006 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương và giới thiệu địa điểm cho Doanh nghiệp Tư nhân Thiên Nhiên; Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh về chủ trương thực hiện dự án;
53	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý)	ONT	Thanh Phú	6,76	2020	x	HUY	Quyết định chủ trương đầu tư số 2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 1/500 tại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 13/8/2020; Đang lập thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư nhưng chưa được chấp thuận.

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
54	Khu chế biến; đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa (Công ty CP Đầu tư xây dựng TMDV XNK Trường Trường Phát JP)	SKC	Tân An	9,69	2020	x	x	Công ty đã thỏa thuận bồi thường 96.884,6 m ² ; Hiện đang lập hồ sơ điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư nhưng gặp vướng mắc giữa điểm b, Khoản 1, Khoản 2, khoản 3, Điều 49 Luật Kinh doanh bất động sản và Điều 55, 59, 66 Luật Khoáng sản và Điều 37 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản
55	Công trình phụ trợ mỏ đá Thạnh Phú 3	SKC	Thiện Tân	1,28	2022		x	Quyết định chủ trương đầu tư số 868/QĐ-UBND ngày 17/03/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai; Chủ đầu tư đã thuận xong về đất đai tuy nhiên hết thời gian trong Quyết định chủ trương đầu tư. Hiện nay, chủ đầu tư đã lập hồ sơ xin điều chỉnh chủ trương đầu tư và đã hoàn thành việc lấy ý kiến các ngành (xin gia hạn đến tháng 9/2024)
56	Mỏ đá Thạnh Phú 1	SKX	Thạnh Phú, Thiện Tân	37,63	2020; 2022		x	Giấy phép khai thác khoáng sản số 1048/GP-UBND ngày 14/6/2016.; đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
57	Mỏ đá Thiện Tân 8	SKX	Thiện Tân	26,1	2021		x	Quyết định chủ trương đầu tư số 3902/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
58	Mỏ đá Thiện Tân 2	SKX	Thiện Tân	0,94	2022		x	Đã chuyển mục đích 10,26 ha tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 6.824,6 m ² đất và Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 86.348,5 m ² đất. Công ty xin chuyển tiếp phần diện tích 0,94 ha này sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
59	Mỏ đá Thiện Tân 4	SKX	Thiện Tân	14,29	2016	x	x	Đã có quyết định CMĐ 0,77 ha của UBND tỉnh tại Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 (đến nay vẫn chưa được ký hợp đồng thuê đất do chưa được phê duyệt về giá đất)

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
60	Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5	SKX	Thiện Tân	16,8	2016	x	x	Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư tại quyết định số số 1043/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 03/4/2020; Công ty đã thỏa thuận bồi thường được khoảng 139.619,6m2. Giai đoạn 1 đã ký hợp đồng thuê đất 4,95 ha;
61	Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3)	SKX	Thiện Tân	55,48	2018	x	x	Đang lập thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản và hoàn thiện thủ tục cấp quyết định chủ trương đầu tư
62	Mỏ đá Thiện Tân 9	SKX	Thiện Tân	30,7	2020	x	x	Đã được UBND huyện xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 6766/UBND-KT ngày 08/11/2019 với diện tích 98.846,3 m2; đến nay chưa lập thủ tục thuê đất
63	Mỏ đá Thiện Tân 3	SKX	Thiện Tân	16,17	2020	x	HUY	giấy phép khai thác khoáng sản số 1633/GP-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh
64	Mỏ đá Thiện Tân 1	SKX	Thiện Tân	4,17	2021		x	Giấy phép khai thác khoáng sản số 202/GP-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh; đã thương lượng 02/4 ha
65	Mỏ đá Thiện Tân 7	SKX	Thiện Tân	6,5	2022		x	Giấy phép khai thác khoáng sản số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh; Chủ đầu tư đã thuận được toàn bộ dự án (trừ phần diện tích giao thông, sông suối)
66	Điểm du lịch sinh thái Green Heaven	TMD	TT.Vĩnh An	7,05	2022		x	Quyết định chủ trương đầu tư số 591/QĐ-UBND ngày 9/02/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai
III. Dự án chưa thực hiện								
III.1. Dự án chưa lập thủ tục thu hồi đất								
67	Trường bắn BB	CQP	Tân An	21,3	2020	x	HUY	Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 5211/QĐ-BQP ngày 12/11/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện (công trình Bộ duyệt); chưa triển khai thực hiện do UBND tỉnh chưa bố trí được nguồn vốn năm 2021 do đó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tiếp tục đăng ký ghi vốn đầu tư công theo nội dung Văn bản số 2987/SKHĐT-TĐ ngày 29/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
68	Công trình quốc phòng (DA1)- Bộ CHQST	CQP	Thiện Tân	5,7	2017	x	HUY	Ngày 16/4/2021 UBND tỉnh có ban hành Văn bản số 344/UBND-KTN về giải trình nội dung đề nghị điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 báo cáo Bộ Quốc phòng tại Văn bản số 1048/BTL-TM, ngày 12/4/2021 về điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất công trình ĐAI theo Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
69	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	DGD	Phú Lý	3,5	2022		x	Văn bản số 05/ĐHCNĐN-HĐT ngày 04/01/2022 của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
70	Trường MN Sơn Ca	DGD	TT.Vĩnh An	1,2	2020	x	HUY	Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trường MN Sơn Ca (Mầm non Cây Gáo). Quyết định số 14074/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trường MN Sơn Ca; Ban Quản lý dự án đề nghị điều chỉnh diện tích thành 1,83 ha
71	Đường giao thông trong khu trung tâm hành chính xã Mã Đà	DGT	Mã Đà	2,36	2020	x	HUY	Ban QLDA đề xuất hủy bỏ do điều chỉnh quy hoạch, đề nghị hủy bỏ để lập mới hồ sơ đầu tư
72	Đường ấp 3 xã Tân An	DGT	Tân An	4,5	2020	x	HUY	Dự án đã chuyển sang hình thức thực hiện duy tu sửa chữa, không nâng cấp mở rộng
73	Đường Bến Xúc (nối Vĩnh Cửu - Trảng Bom)	DGT	Tân An	1,2	2020	x	HUY	Ban QLDA đề xuất hủy bỏ do nguồn vốn đầu tư quá lớn, không thực hiện trong giai đoạn này
74	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (đường N4, D4; công viên cây xanh; khu văn hóa thể thao)	DGT	Thạnh Phú	9,9	2020	x	HUY	Ban QLDA đề xuất hủy bỏ để đăng ký riêng biệt từng dự án
75	Dự án đấu nối đường Quang Trung với đường Lý Thái Tổ	DGT	TT.Vĩnh An	0,8	2020	x	HUY	Ban QLDA đề xuất hủy bỏ do không thực hiện trong giai đoạn này
76	Trung tâm văn hóa huyện (Đường N2, N3)	DGT	TT.Vĩnh An	2,39	2020	x	HUY	Ban QLDA đề xuất hủy bỏ do điều chỉnh quy hoạch, đề nghị hủy bỏ để lập mới hồ sơ đầu tư
77	Trạm 110kV Tân An và đấu nối	DNL	Tân An	0,41	2022		x	Văn bản số 5647/UBND- CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kv Tân An và hướng tuyến đường dây đấu nối

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
78	Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	DTL	Thiện Tân	0,8	2021		x	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý; Đang trình chủ trương đầu tư
79	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	DTT	TT.Vĩnh An	0,86	2019	x	HUY	Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi và điều chỉnh ranh thiết kế của dự án; Thông báo thu hồi đất từ số 652/TB-UBND đến số 669/TB-UBND ngày 26/7/2019; Ban Quản lý Dự án đề nghị hủy để lập lại hồ sơ đầu tư
80	Khu dân cư kết hợp tái định cư, thương mại dịch vụ ấp Ông Hoàng	ONT	Thiện Tân	5,8	2016	x	HUY	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện và đang vướng mắc trong việc xử lý Kết luận thanh tra số 7259/KL-UBND ngày 11/9/2007 của UBND tỉnh; Ban Quản lý Dự án đề nghị hủy bỏ để lập lại hồ sơ đầu tư
81	Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú -Thiện Tân	SKN	Thiện Tân	3	2016	x	x	Dự án đang thực hiện huy động vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong Cụm.
82	Nạo vét Rạch Đông	SON	Tân An	60,5	2020	x	HUY	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư một số dự án; trong đó có dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu. Đang lập báo cáo đánh giá tác động môi trường
III.2. Dự án chưa lập thủ tục giao đất								
83	Trung tâm Văn hóa xã Bình Hòa	DVH	Bình Hòa	1,19116	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
84	Trụ Sở UBND xã Bình Hòa	TSC	Bình Hòa	0,65905	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
85	Trường Tiểu học Bình Lợi	DGD	Bình Lợi	0,8009	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
86	Trạm y tế xã Bình Lợi	DYT	Bình Lợi	0,09535	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
87	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Hiếu Liêm	DSH	Hiếu Liêm	0,0337	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
88	Sân bóng	DTT	Hiếu Liêm	0,64969	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
89	Sân vận động ấp 1	DTT	Hiếu Liêm	0,28854	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
90	Trung tâm nhà văn hóa xã	DVH	Hiếu Liêm	1,02566	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
91	Chi hội Tin Lành Hiếu Liêm	TON	Hiếu Liêm	0,81	2020	x	HUY	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
92	Trụ sở UBND xã	TSC	Hiếu Liêm	0,34948	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
93	Trụ sở Quân sự xã	TSC	Hiếu Liêm	0,15385	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
94	Trung tâm học tập cộng đồng	DVH	Mã Đà	1,0127	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
95	Chùa Giác Pháp	TON	Mã Đà	0,25	2019	x	HUY	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
96	Trụ sở UBND xã Mã Đà	TSC	Mã Đà	0,34948	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
97	Trụ sở Quân sự xã	TSC	Mã Đà	0,15385	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
98	Chi hội Tin Lành Phú Lý	TON	Phú Lý	0,07	2020	x	HUY	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
99	Chùa Từ Đức	TON	Thiện Tân	0,14	2022		HUY	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
100	Niệm phật đường Phước An	TON	TT.Vĩnh An	0,19	2021		x	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
101	Thiền tự Nhất Quang	TON	TT.Vĩnh An	0,15	2019	x	HUY	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
102	Giáo xứ Thuận An	TON	TT.Vĩnh An	0,7	2022		x	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
103	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	TON	TT.Vĩnh An	0,07	2022		x	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
104	Phòng Tài nguyên và Môi trường	TSC	TT.Vĩnh An	0,4705	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
105	Trụ Sở UBND thị trấn	TSC	TT.Vĩnh An	0,46903	2021		x	Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường
106	Chùa Linh Sơn	TON	Vĩnh Tân	0,72	2020	x	HUY	Biên bản làm việc rà soát tiến độ thực hiện công trình tôn giáo ngày 07/10/2022
107	Tịnh thất Viên Quang	TON	Vĩnh Tân	0,72	2021		x	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
108	Giáo xứ Thịnh An	TON	Vĩnh Tân	1,27	2022		x	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
III.3. Dự án chưa thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất								

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2023	Ghi chú
109	Khu đất đấu giá (2 khu: tờ 10 thửa 138 và tờ 5 thửa 412)	ONT	Bình Lợi	0,096	2020	x	x	Đã bàn giao TTPTQĐ huyện quản lý (Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 15/04/2022 của UBND tỉnh)
110	Câu tàu du lịch Hiếu Liêm (Công ty TNHH TMDV Hoàng Gia Bảo) (tên đăng ký là Khu đất Hợp tác xã Dịch vụ Chăn nuôi Hiếu Liêm tại thửa đất số 111 tờ bản đồ số 29)	TMD	Hiếu Liêm	0,29	2018	x	HUY	Đã bàn giao TTPTQĐ huyện quản lý (Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 15/04/2022 của UBND tỉnh), chưa có kế hoạch đấu giá trong năm 2023
111	Khu đất đấu giá theo quy hoạch (4,82 ha Tân An)	SKC	Tân An	4,83	2021		x	Do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất (Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 9/01/2020)
112	Khu đất đấu giá (Khu du lịch Đảo Ó - Đòng Trường)	TMD	TT. Vĩnh An, Mã Đà	23,38	2020	x	x	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất tại Văn bản 1164/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 17/10/2022
113	Đấu giá đất ở (thửa đất 194 tờ 40)	ODT	TT.Vĩnh An	0,31	2018	x	HUY	Đã bàn giao TTPTQĐ huyện quản lý (Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 15/04/2022 của UBND tỉnh), chưa có kế hoạch đấu giá trong năm 2023
114	Đấu giá đất ở kết hợp với thương mại dịch vụ (thửa 123 tờ 55)	ODT	TT.Vĩnh An	0,37	2018	x	HUY	Đã bàn giao TTPTQĐ huyện quản lý (Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 15/04/2022 của UBND tỉnh), chưa có kế hoạch đấu giá trong năm 2023

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
I	LOẠI ĐẤT	108.914,44	1.525,54	671,64	20.950,32	40.108,42	27.899,83	5.266,18	1.108,65	1.354,36	2.282,75	1.848,13	3.140,18	2.758,44
1	Đất nông nghiệp	88.865,04	1.200,51	400,51	19.262,84	27.787,75	26.566,25	4.503,41	843,05	796,65	1.336,78	1.575,68	2.292,03	2.299,58
1.1	Đất trồng lúa	1.539,79	221,22	177,72	-	-	-	536,31	151,50	100,79	221,10	-	94,70	36,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.294,68	211,31	177,38	-	-	-	533,58	109,87	86,35	146,95	-	-	29,24
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.176,49	118,14	27,99	104,38	55,77	244,60	197,81	72,55	245,61	348,76	83,96	380,01	296,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.614,46	840,51	193,92	825,32	478,76	2.313,46	1.980,58	610,62	430,69	514,70	750,77	1.430,07	1.245,06
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	-	-	-	-	-	-	-	-	11,57	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.103,70	-	-	16.738,52	24.951,26	22.413,92	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	7.881,87	-	-	1.507,09	2.251,27	1.484,54	1.288,18	-	-	140,30	724,57	154,09	331,83
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	2.225,57	-	-	846,92	660,86	717,79	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.217,64	15,76	0,88	44,34	43,42	35,05	408,65	8,12	17,39	100,35	3,99	168,79	370,90
1.8	Đất nông nghiệp khác	319,52	4,88	-	43,19	7,27	74,68	91,88	0,26	2,17	-	12,39	64,37	18,43
2	Đất phi nông nghiệp	20.049,40	325,03	271,13	1.687,48	12.320,67	1.333,58	762,77	265,60	557,71	945,97	272,45	848,15	458,86
2.1	Đất quốc phòng	167,49	17,15	60,68	38,13	-	3,04	14,04	1,48	11,01	19,08	-	2,88	-
2.2	Đất an ninh	10,29	-	-	-	-	-	-	-	-	0,42	-	9,87	-
2.3	Đất khu công nghiệp	120,96	-	-	-	-	-	5,97	-	114,99	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	158,47	-	-	-	-	-	64,32	-	-	94,15	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	66,36	0,31	0,43	0,31	22,99	0,79	1,01	5,11	4,52	1,73	0,12	22,55	6,49
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	331,00	8,96	11,33	0,64	1,07	3,87	76,31	0,31	28,28	144,60	15,63	19,89	20,11

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	492,37	-	-	-	-	-	10,98	-	62,97	339,54	-	17,82	61,06
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.914,98	62,86	42,11	332,22	231,18	154,78	280,39	81,70	119,57	150,27	63,12	199,94	196,84
	<i>Trong đó:</i>													
	- Đất giao thông	1.101,03	37,88	23,62	110,96	196,52	128,51	121,08	53,13	82,17	96,46	47,90	121,44	81,36
	- Đất thủy lợi	73,44	7,32	4,18	1,53	0,48	0,85	28,33	4,37	3,46	13,05	2,33	3,24	4,30
	- Đất cơ sở văn hoá	11,39	0,24	1,19	1,01	1,15	1,00	-	1,59	1,58	0,58	1,13	1,81	0,11
	- Đất cơ sở y tế	8,39	0,10	0,08	0,15	0,33	1,61	0,07	0,07	2,27	0,19	0,16	2,80	0,56
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	88,81	1,32	2,67	2,08	2,70	10,31	3,27	1,42	14,55	27,35	2,47	15,76	4,91
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	13,74	0,60	-	1,04	1,70	1,64	0,70	2,08	1,38	1,02	2,69	0,89	-
	- Đất công trình năng lượng	262,90	0,31	0,05	209,58	11,10	-	2,66	0,27	0,45	1,30	0,41	35,82	0,95
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,59	0,01	0,01	0,99	0,02	0,08	0,05	0,01	0,26	0,03	0,09	0,64	0,40
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	-	-	-	15,39	-	-	0,02	-	-	-	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	85,20	0,14	-	0,40	0,05	1,00	0,05	-	0,30	-	-	0,60	82,66
	- Đất cơ sở tôn giáo	31,80	2,36	2,79	1,09	0,25	3,77	2,20	3,94	0,60	2,41	-	3,86	8,53
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	216,25	12,58	7,52	3,17	1,45	5,73	121,98	13,03	12,40	7,88	5,94	12,32	12,25
	- Đất chợ	4,03	-	-	0,22	0,04	0,28	-	1,77	0,15	-	-	0,76	0,81
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,65	0,46	0,09	1,53	0,40	1,09	0,34	0,31	0,56	0,36	0,03	1,08	0,40
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,85	-	0,17	1,01	-	-	-	1,11	4,49	-	-	2,07	-
2.11	Đất ở tại nông thôn	948,78	64,38	58,74	39,33	22,07	94,50	108,49	104,54	194,11	79,16	37,95	-	145,51
2.12	Đất ở tại đô thị	177,30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	177,30	-

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	17,93	0,38	0,83	0,65	1,88	1,09	0,76	0,29	1,70	0,75	0,81	8,30	0,49
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	16,04	-	-	-	5,21	6,39	0,12	-	0,21	-	0,48	3,63	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,37	3,05	1,80	0,39	0,16	-	0,75	2,38	1,75	1,60	0,49	0,88	0,12
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.716,58	167,48	94,95	457,52	128,99	194,52	174,87	68,37	13,55	114,31	153,82	120,36	27,84
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.881,98	-	-	815,75	11.906,72	873,51	24,42	-	-	-	-	261,58	-

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THEO LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	190,74	5,10	-	116,25	1,75	5,40	5,29	3,17	7,10	36,26	0,14	8,96	1,32
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	14,39	1,10	-	-	-	-	0,24	2,16	-	10,81	-	0,08	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	10,13	1,10	-	-	-	-	0,24	0,06	-	8,73	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	18,93	-	-	10,41	0,34	1,90	-	-	-	5,03	-	0,53	0,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	85,55	4,00	-	41,27	1,41	3,47	5,05	1,01	7,10	15,46	0,14	6,04	0,60
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	65,70	-	-	59,98	-	-	-	-	-	4,17	-	1,55	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	5,96	-	-	4,38	-	0,03	-	-	-	0,79	-	0,76	-
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,21	-	-	0,21	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	218,32	4,63	-	108,96	1,71	5,40	5,29	3,17	27,22	50,45	0,15	10,63	0,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	48,07	2,14	-	-	-	0,16	0,41	2,16	14,23	28,32	-	0,65	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	20,67	0,62	-	-	-	-	0,41	0,06	13,10	6,48	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	25,27	-	-	2,93	-	1,90	4,67	0,19	2,28	11,94	-	0,65	0,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	73,30	2,49	-	42,05	0,41	2,90	0,05	0,82	10,70	6,51	0,15	7,22	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	5,90	-	-	5,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	52,56	-	-	47,10	1,30	-	0,16	-	-	2,45	-	1,55	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	13,21	-	-	10,98	-	0,44	-	-	-	1,23	-	0,56	-
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,01	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Diện tích thu hồi	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
1	Đất nông nghiệp	NNP	133,04	4,63	-	108,96	1,71	1,90	0,46	3,17	7,11	0,58	0,15	3,66	0,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5,87	2,14	-	-	-	-	0,41	2,16	0,16	0,35	-	0,65	-
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	1,15	0,62	-	-	-	-	0,41	0,06	0,06	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	5,18	-	-	2,93	-	0,90	-	0,19	-	-	-	0,45	0,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	56,03	2,49	-	42,05	0,41	1,00	0,05	0,82	6,94	-	0,15	2,12	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5,90	-	-	5,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	48,70	-	-	47,10	1,30	-	-	-	-	-	-	0,30	-
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	11,35	-	-	10,98	-	-	-	-	-	0,23	-	0,14	-
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,01	-	-	-	-	-	-	-	0,01	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	25,36	0,47	0,02	21,85	0,04	-	-	0,11	0,05	0,64	-	0,90	1,28
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,70	-	-	0,70	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất phát triển hạ tầng	DHT	13,78	0,05	-	11,32	-	-	-	-	0,01	0,42	-	0,70	1,28
	<i>Trong đó:</i>														
	- Đất giao thông	DGT	2,57	-	-	2,57	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Đất thủy lợi	DTL	5,25	-	-	5,25	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,42	-	-	-	-	-	-	-	-	0,42	-	-	-
	- Đất công trình năng lượng	DNL	3,50	-	-	3,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,70	1,28
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	0,06	0,05	-	-	-	-	-	-	0,01	-	-	-	-

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Diện tích thu hồi	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	5,03	0,13	-	4,82	0,04	-	-	-	0,04	-	-	-	-
2.4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,26	-	0,02	-	-	-	-	0,11	-	-	-	0,13	-
2.5	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,07	-
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,35	0,29	-	0,84	-	-	-	-	-	0,22	-	-	-
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,17	-	-	4,17	-	-	-	-	-	-	-	-	-

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2023 HUYỆN VĨNH CỬU

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Nghị quyết HDND	Ghi chú
	I. Dự án thu hồi đất theo Điều 61 - Luật Đất đai			0,42	0,42		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022			0,42	0,42		
1	Trụ sở Công an xã Thiện Tân	Thiện Tân	CAN	0,42	0,42	18/2021/NQ-HDND	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
	II. Dự án thu hồi đất theo khoản 2 Điều 62 - Luật Đất đai 2013			-	-		
	III. Dự án thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 - Luật Đất đai 2013			168,27	155,03		
	Điểm a - Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương			3,59	3,59		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022			3,51	3,51		
2	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	TT.Vĩnh An	DGD	0,91	0,91	24/2020/NQ-HDND	- Quyết định 4194A/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi; đã xây dựng nhưng chưa làm thủ tục - Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Đã xây dựng xong nhưng chưa lập thủ tục thu hồi đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Nghị quyết HDND	Ghi chú
3	Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao)	Mã Đà	DTT	1,70	1,70	24/2020/NQ- HDND	- Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu vv chấp thuận chủ trương đầu tư; đang thu hồi đất - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ
4	Trạm Kiểm Lâm xã Phú Lý	Phú Lý	DTS	0,90	0,90	18/2021/NQ- HDND	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/1/2021 của UBND tỉnh duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nâng cao năng lực PCCC cho lực lượng kiểm lâm Đồng Nai GD 2016-220 và QĐ số 1579/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 Vv đính chính Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 2
* Các dự án bổ sung năm 2023				0,08	0,08		
5	Trạm y tế xã Bình Hòa	Bình Hòa	DYT	0,02	0,02	19/2022/NQ- HDND	Phục lục III, Biểu kế hoạch đầu tư công dự kiến giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn xổ số kiến thiết đính kèm Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 4936/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trạm y tế xã Bình Hòa

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Nghị quyết HDND	Ghi chú
6	Bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	TSC	0,06	0,06	19/2022/NQ-HDND	Dự án Trụ sở UBND xã Thạnh Phú đã được đầu tư, xây dựng và đi vào sử dụng để đảm bảo tiến độ xây dựng nông thôn mới; đưa vào danh mục thu hồi đất để hoàn thiện thủ tục thu hồi đất. Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 15/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch vốn Đầu tư công năm 2021 từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn khác do huyện quản lý lần 2 (nội dung: Hỗ trợ chi phí bồi thường cho ông Trần Khôi Nguyên do thu hồi đất tại xã Thạnh Phú)
Điểm b - Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải				143,36	142,62		
* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022				139,04	138,30		
7	Đường Bình Ninh	Bình Lợi	DGT	0,67	0,67	24/2020/NQ-HDND	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
8	Đường nội đồng cây Gõ	Bình Lợi	DGT	0,45	0,45	24/2020/NQ-HDND	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
9	Đường nội đồng giáo Tùng	Bình Lợi	DGT	0,65	0,65	24/2020/NQ-HDND	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
10	Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương Lộ 7	Bình Lợi	DGT	1,06	0,92	24/2020/NQ-HDND	- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; - Văn bản số 330/CV-BCS - UBND ngày 17/7/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh gửi BTV Tỉnh ủy xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng Cầu Bạch Đằng 2 nối 02 tỉnh Bình Dương và Đồng Nai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Nghị quyết HDND	Ghi chú
11	Mở rộng đường Cây Gõ	Thanh Phú	DGT	0,50	0,50	24/2020/NQ-HDND	
12	Đường Chu Văn An	TT.Vĩnh An	DGT	2,33	1,73	18/2021/NQ-HDND	Quyết định chủ trương đầu tư số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện
13	Cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	TT.Vĩnh An	DGT	0,5	0,5	18/2021/NQ-HDND	Quyết định chủ trương đầu tư số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện
14	Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	Thiện Tân	DTL	0,80	0,80	24/2020/NQ-HDND	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý; Đang trình chủ trương đầu tư
15	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiêm Tân	Trị An, TT Vĩnh An	DNL	0,26	0,26	24/2020/NQ-HDND	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiêm Tân. - Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiêm Tân - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Chưa triển khai do đang lựa chọn nhà thầu

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Nghị quyết HDND	Ghi chú
16	Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng)	Hiếu Liêm	DNL	92,23	92,23	24/2020/NQ-HDND	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; đã hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc bồi thường giải phóng mặt bằng; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 2122/TTr-PTNMT ngày 30/8/2022 trình UBND huyện ban hành thông báo thu hồi đất; đã được HĐND tỉnh chấp thuận chủ CME đất rừng tại NQ số 05-HĐND ngày 15/4/2022
17	Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng	Hiếu Liêm	DNL	38,18	38,18	04/2020/NQ-HDND	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021
18	Trạm 110kV Tân An và đấu nối	Tân An	DNL	0,41	0,41	01/2022/NQ-HDND	Văn bản số 5647/UBND- CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kv Tân An và hướng tuyến đường dây đấu nối
19	Trạm trung chuyển rác	Phú Lý	DRA	1,0	1,0	18/2021/NQ-HĐND	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện
	* Các dự án bổ sung năm 2023			4,32	4,32		
20	Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân Triều	Tân Bình	DGT	0,47	0,47	26/2022/NQ-HĐND	Quyết định chủ trương đầu tư số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu
21	Đường giao thông nội đồng Bình Lục - Long Phú (số 9, 10, 11, 12, 13 và 16)	Tân Bình	DGT	2,70	2,70	26/2022/NQ-HĐND	Quyết định chủ trương đầu tư số 2791/QĐ-UBND ngày 01/07/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv chấp thuận chủ trương đầu tư công trình

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Nghị quyết HDND	Ghi chú
22	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Trị An	DTL	0,05	0,05	19/2022/NQ- HDND	Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 20/4/2022 của Hội đồng Nhân dân huyện; dự án đã xây dựng xong, nghiệm thu đưa vào sử dụng từ tháng 10 năm 2019 nhưng còn vướng mắc liên quan đến thủ tục thu hồi đất (Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDD quá 03 năm)
23	Trạm trung chuyển rác xã Mã Đà	Mã Đà	DRA	0,05	0,05	19/2022/NQ- HDND	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện
24	Trạm trung chuyển rác xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	DRA	0,30	0,30	19/2022/NQ- HDND	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện
25	Trạm trung chuyển rác thị trấn Vĩnh An	TT.Vĩnh An	DRA	0,3	0,30	19/2022/NQ- HDND	Dự án đã được UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư công tại Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 11/1/2021; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện về việc phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2021 từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý (lần 2)
26	Trạm trung chuyển rác tại xã Hiếu Liêm (2 vị trí)	Hiếu Liêm	DRA	0,40	0,40	26/2022/NQ- HĐND	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện
27	Trạm trung chuyển rác xã Tân An	Tân An	DRA	0,05	0,05	26/2022/NQ- HĐND	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Nghị quyết HDND	Ghi chú
	Điểm c - Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			2,52	2,52		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022			0,11	0,11		
28	Nhà văn hóa ấp Bình Lục	Tân Bình	DSH	0,11	0,11	18/2021/NQ-HĐND	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
	* Các dự án bổ sung năm 2023			2,41	2,41		
29	Xây dựng khu dân cư phục vụ tái định cư xã Bình Lợi	Bình Lợi	ONT	2,41	2,41	19/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng trên đất công của xã Bình Lợi hiện nay UBND huyện đang lập quy hoạch chi tiết 1/500 để làm cơ sở triển khai
	Điểm d - Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			18,80	6,30		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Nghị quyết HDND	Ghi chú
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022			18,80	6,30		
30	Khu dân cư tập trung xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	ONT	18,8	6,30	18/2021/NQ- HDND	Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Cty cổ phần Miền Đông đầu tư hạ tầng tại xã Thạnh Phú; Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
	IV. Dự án thu hồi đất theo Điều 65 - Luật Đất đai năm 2013			2,95	2,95		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022			2,95	2,95		
31	Niệm phật đường Phước An	TT.Vĩnh An	TON	0,19	0,19		Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
32	Tịnh thất Viên Quang	Vĩnh Tân	TON	0,72	0,72		Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
33	Giáo xứ Thịnh An	Vĩnh Tân	TON	1,27	1,27		Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
34	Giáo xứ Thuận An	TT.Vĩnh An	TON	0,7	0,70		Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
35	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	TT.Vĩnh An	TON	0,07	0,07		Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG TRONG NĂM 2023
HUYỆN VĨNH CỬU**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
	A. Các dự án, công trình sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			174,09	45,91	5,90	-	
	I. Các dự án chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm 2022			174,03	45,85	5,90	-	
	1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên.			63,73	36,77	-	-	
1	Mỏ đá Thạnh Phú 1	Thạnh Phú, Thiện Tân	SKX	37,63	20,87	-	-	Giấy phép khai thác khoáng sản số 1048/GP-UBND ngày 14/6/2016.; đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
2	Mỏ đá Thiện Tân 8	Thiện Tân	SKX	26,10	15,90	-	-	Quyết định chủ trương đầu tư số 3902/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
	2. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20 ha.			110,30	9,08	5,90	-	
3	Đường Bình Ninh	Bình Lợi	DGT	0,67	0,67	-	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
4	Đường nội đồng cây Gõ	Bình Lợi	DGT	0,45	0,45	-	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
5	Đường nội đồng giáo Tùng	Bình Lợi	DGT	0,65	0,65	-	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
6	Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương Lộ 7	Bình Lợi	DGT	1,06	0,37	-	-	- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; - Văn bản số 330/CV-BCS - UBND ngày 17/7/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh gửi BTV Tỉnh ủy xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng Cầu Bạch Đằng 2
7	Mở rộng đường Cây Gõ	Thạnh Phú	DGT	0,50	0,10	-	-	
8	Đường Chu Văn An	TT.Vĩnh An	DGT	2,33	0,63	-	-	Quyết định chủ trương đầu tư số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện
9	Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	Thiện Tân	DTL	0,80	0,35	-	-	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý; Đang trình chủ trương đầu tư
10	Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng)	Hiếu Liêm	DNL	92,23	-	5,90	-	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; đã hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc bồi thường giải phóng mặt bằng; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 2122/TTr-PTNMT ngày 30/8/2022 trình UBND huyện ban hành thông bá

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
11	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân	Trị An, TT Vĩnh An	DNL	0,26	0,02	-	-	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân. - Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Chưa triển khai đo đang lựa chọn nhà thầu
12	Trạm 110kV Tân An và đấu nối	Tân An	DNL	0,41	0,41	-	-	Văn bản số 5647/UBND- CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kv Tân An và hướng tuyến đường dây đấu nối
13	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	Phú Lý	DGD	3,5	0,16	-	-	Văn bản số 05/ĐHCNĐN-HĐT ngày 04/01/2022 của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
14	Mỏ đá Thiện Tân 2	Thiện Tân	SKX	0,94	0,94	-	-	Đã chuyển mục đích 10,26 ha tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 6.824,6 m ² đất và Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 86.348,5 m ² đất. Công ty xin chuyển tiếp phần diện tích 0,94 ha này sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
15	Mỏ đá Thiện Tân 7	Thiện Tân	SKX	6,5	4,33	-	-	Giấy phép khai thác khoáng sản số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh; Chủ đầu tư đã thuận được toàn bộ dự án (trừ phần diện tích giao thông, sông suối)
II. Các dự án bổ sung mới				0,06	0,06	-	-	
1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên.				-	-	-	-	
2. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20 ha				0,06	0,06	-	-	
16	Đường giao thông nội đồng Bình Lục- Long Phú (số 9, 10, 11, 12, 13 và 16)	Tân Bình	DGT	2,70	2,16	-	-	Quyết định chủ trương đầu tư số 2791/QĐ-UBND ngày 01/07/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv chấp thuận chủ trương đầu tư công trình
17	Bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	TSC	0,06	0,06	-	-	Dự án Trụ sở UBND xã Thạnh Phú đã được đầu tư, xây dựng và đi vào sử dụng để đảm bảo tiến độ xây dựng nông thôn mới; đưa vào danh mục thu hồi đất để hoàn thiện thủ tục thu hồi đất. Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 15/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch vốn Đầu tư công năm 2021 từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn khác do huyện quản lý lần 2 (nội dung: Hỗ trợ chi phí bồi thường cho ông Trần Khôi Nguyên do thu hồi đất tại xã Thạnh Phú)

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN VĨNH CỬU

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDĐ
	1. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH						
	1.1. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh						
	*. Đất an ninh						
1	Trụ sở Công an xã Thiện Tân	Thiện Tân	0,42		0,42	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai	2022
	1.2. Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng						
	2. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI						
	2.1. Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất						
	a. Đất phát triển hạ tầng						
	*. Đất giao thông						
2	Đường Bình Ninh	Bình Lợi	0,67	-	0,67	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai	2021
3	Đường nội đồng cây Gõ	Bình Lợi	0,45	-	0,45	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai	2021
4	Đường nội đồng giáo Tùng	Bình Lợi	0,65	-	0,65	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai	2021
5	Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương Lộ 7	Bình Lợi	1,06	0,14	0,92	- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; - Văn bản số 330/CV-BCS - UBND ngày 17/7/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh gửi BTV Tỉnh ủy xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng Cầu Bạch Đằng 2 nối 02 tỉnh Bình Dương và Đồng Nai	2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDD
6	Mở rộng đường Cây Gõ	Thanh Phú	0,50	-	0,50	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai	2021
7	Đường Chu Văn An	TT.Vĩnh An	2,33	0,60	1,73	Quyết định chủ trương đầu tư số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện	2022
8	Cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	TT.Vĩnh An	0,5		0,50	Quyết định chủ trương đầu tư số 11108/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND huyện	2022
9	Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân Triều	Tân Bình	0,47		0,47	Quyết định chủ trương đầu tư số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu	2023
10	Đường giao thông nội đồng Bình Lục-Long Phú (số 9, 10, 11, 12, 13 và 16)	Tân Bình	2,70		2,70	Quyết định chủ trương đầu tư số 2791/QĐ-UBND ngày 01/07/2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu Vv chấp thuận chủ trương đầu tư công trình	2023
	*. Đất thủy lợi						
11	Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiệt Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	Thiệt Tân	0,80	-	0,80	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý; Đang trình chủ trương đầu tư	2021
12	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Trị An	0,05	-	0,05	Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/9/2022 thông qua danh mục thu hồi đất	2023
	*. Đất cơ sở y tế						
13	Trạm y tế xã Bình Hòa	Bình Hòa	0,02		0,02	Phục lục III, Biểu kế hoạch đầu tư công dự kiến giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn xổ số kiến thiết đính kèm Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 4936/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trạm y tế xã Bình Hòa	2023
	*. Đất cơ sở giáo dục						

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDĐ
14	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	TT.Vĩnh An	0,91	-	0,91	- Quyết định 4194A/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi; đã xây dựng nhưng chưa làm thủ tục - Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Đã xây dựng xong nhưng chưa lập thủ tục thu hồi đất	2021
*. Đất thể dục thể thao							
15	Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao)	Mã Đà	1,70	-	1,70	- Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu vv chấp thuận chủ trương đầu tư; đang thu hồi đất - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý	2021
*. Đất năng lượng							
16	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân	Trị An, TT Vĩnh An	0,26	-	0,26	- Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân. - Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Chưa triển khai do đang lựa chọn nhà thầu	2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDĐ
17	Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng)	Hiếu Liêm	92,23	-	92,23	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; đã hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc bồi thường giải phóng mặt bằng; Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 2122/TTr-PTNMT ngày 30/8/2022 trình UBND huyện ban hành thông báo thu hồi đất; đã được HĐND tỉnh chấp thuận chủ CMTĐ đất rừng tại NQ số 05-HĐND ngày 15/4/2022	2021
18	Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng	Hiếu Liêm	38,18	-	38,18	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021	2021
19	Trạm 110kV Tân An và đấu nối	Tân An	0,41		0,41	Văn bản số 5647/UBND- CNN ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh về thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kv Tân An và hướng tuyến đường dây đấu nối	2022
	*. Đất bãi thải, xử lý chất thải						
20	Trạm trung chuyển rác	Phú Lý	1,0		1,0	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện	2022
21	Trạm trung chuyển rác xã Mã Đà	Mã Đà	0,05		0,05	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện	2023
22	Trạm trung chuyển rác xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	0,30		0,30	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện	2023
23	Trạm trung chuyển rác thị trấn Vĩnh An	TT.Vĩnh An	0,3		0,30	Dự án đã được UBND huyện chấp thuận chủ trương đầu tư công tại Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 11/1/2021; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện về việc phân bổ vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2021 từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý (lần 2)	2023

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDĐ
24	Trạm trung chuyển rác tại xã Hiếu Liêm (2 vị trí)	Hiếu Liêm	0,40		0,40	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện	2023
25	Trạm trung chuyển rác xã Tân An	Tân An	0,05		0,05	Quyết định chủ trương đầu tư số 3280/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND huyện	2023
b. Đất sinh hoạt cộng đồng							
26	Nhà văn hóa ấp Bình Lục	Tân Bình	0,11		0,11	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua	2022
c. Đất ở							
27	Khu dân cư tập trung xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	18,8	12,50	6,30	Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Cty cổ phần Miền Đông đầu tư hạ tầng tại xã Thạnh Phú; Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	2022
28	Xây dựng khu dân cư phục vụ tái định cư xã Bình Lợi	Bình Lợi	2,41		2,41	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng trên đất công của xã Bình Lợi hiện nay UBND huyện đang lập quy hoạch chi tiết 1/500 để làm cơ sở triển khai	2023
d. Đất xây dựng trụ sở cơ quan							

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDD
29	Bồi thường bổ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	0,06		0,06	Dự án Trụ sở UBND xã Thạnh Phú đã được đầu tư, xây dựng và đi vào sử dụng để đảm bảo tiến độ xây dựng nông thôn mới; đưa vào danh mục thu hồi đất để hoàn thiện thủ tục thu hồi đất. Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 15/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch vốn Đầu tư công năm 2021 từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn khác do huyện quản lý lần 2 (nội dung: Hỗ trợ chi phí bồi thường cho ông Trần Khôi Nguyên do thu hồi đất tại xã Thạnh Phú)	2023
	e. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp						
30	Trạm Kiểm Lâm xã Phú Lý	Phú Lý	0,90		0,90	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/1/2021 của UBND tỉnh duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nâng cao năng lực PCCC cho lực lượng kiểm lâm Đồng Nai GD 2016-220 và QĐ số 1579/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 Vv chính thức Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 (đã ghi vốn thực hiện).	2022
	2.2. Các công trình, dự án thu hồi đất theo Điều 65 luật đất đai 2013						
31	Niệm phật đường Phước An	TT.Vĩnh An	0,19		0,19	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất	2021
32	Tịnh thất Viên Quang	Vĩnh Tân	0,72		0,72	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất	2021
33	Giáo xứ Thịnh An	Vĩnh Tân	1,27		1,27	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021	2022
34	Giáo xứ Thuận An	TT.Vĩnh An	0,7		0,70	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021	2022
35	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	TT.Vĩnh An	0,07		0,07	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021	2022
	2.3. Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất						
	a. Đất cơ sở giáo dục và đào tạo						

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDD
36	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	Phú Lý	3,5		3,50	Văn bản số 05/ĐHCNĐN-HĐT ngày 04/01/2022 của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	2022
	b. Đất thương mại, dịch vụ						
37	Điểm du lịch sinh thái Green Heaven	TT.Vĩnh An	7,05		7,05	Quyết định chủ trương đầu tư số 591/QĐ-UBND ngày 9/02/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai	2022
	c. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp						
38	Công trình phụ trợ mỏ đá Thạnh Phú 3	Thiện Tân	1,28		1,28	Quyết định chủ trương đầu tư số 868/QĐ-UBND ngày 17/03/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai; Chủ đầu tư đã thuận xong về đất đai tuy nhiên hết thời gian trong Quyết định chủ trương đầu tư. Hiện nay, chủ đầu tư đã lập hồ sơ xin điều chỉnh chủ trương đầu tư và đã hoàn thành việc lấy ý kiến các ngành (xin gia hạn đến tháng 9/2024)	2022
	d. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm						
39	Mỏ đá Thạnh Phú 1	Thạnh Phú, Thiện Tân	37,63		37,63	Giấy phép khai thác khoáng sản số 1048/GP-UBND ngày 14/6/2016.; đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha	2022
40	Mỏ đá Thiện Tân 2	Thiện Tân	0,94		0,94	Đã chuyển mục đích 10,26 ha tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 6.824,6 m ² đất và Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 86.348,5 m ² đất. Công ty xin chuyển tiếp phần diện tích 0,94 ha này sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	2022
41	Mỏ đá Thiện Tân 1	Thiện Tân	4,17		4,17	Giấy phép khai thác khoáng sản số 202/GP-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh; đã thương lượng 02/4 ha	2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDD
42	Mỏ đá Thiện Tân 8	Thiện Tân	26,10		26,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 3902/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha	2021
43	Mỏ đá Thiện Tân 7	Thiện Tân	6,5	2,90	3,60	Giấy phép khai thác khoáng sản số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh; Chủ đầu tư đã thuận được toàn bộ dự án (trừ phần diện tích giao thông, sông suối trong đó)	2022
e. Đất nông nghiệp khác							
44	Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trị An (Cty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Chí Phú)	Trị An	1,13	-	1,13	Đã được UBND tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 31/5/2020; đã hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1,13 ha. Đang xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai	2021
2.3. Các khu vực sử dụng đất khác							
a. Khu đất đấu giá							
45	Khu đất đấu giá theo quy hoạch (4,82 ha Tân An)	Tân An	4,83	-	4,83	Do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất (Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 9/01/2020)	2021
b. Đưa vào KHSDD để hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy CNQSDD							
46	Nhà máy xử lý và tái chế rác thải tại xã Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	5,06	5,06	-	Đưa vào KHSDD để hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định	2022
47	Trường Tiểu học Bình Lợi	Bình Lợi	0,80	0,80		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
48	Trạm y tế xã Bình Lợi	Bình Lợi	0,10	0,10		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
49	Phòng Tài nguyên và Môi trường	TT.Vĩnh An	0,47	0,47		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú	Năm đăng ký KHSDĐ
50	Trụ Sở UBND thị trấn	TT.Vĩnh An	0,47	0,47		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
51	Sân bóng	Hiếu Liêm	0,65	0,65		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
52	Trung tâm nhà văn hóa xã	Hiếu Liêm	1,03	1,03		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
53	Trụ sở UBND xã	Hiếu Liêm	0,35	0,35		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
54	Trụ sở Quân sự xã	Hiếu Liêm	0,15	0,15		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
55	Sân vận động ấp 1	Hiếu Liêm	0,29	0,29		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
56	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	0,03	0,03		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
57	Trụ sở UBND xã Mã Đà	Mã Đà	0,35	0,35		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
58	Trung tâm học tập cộng đồng	Mã Đà	1,01	1,01		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
59	Trụ sở Quân sự xã	Mã Đà	0,15	0,15		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
60	Trụ Sở UBND xã Bình Hòa	Bình Hòa	0,66	0,66		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021
61	Trung tâm Văn hóa xã Bình Hòa	Bình Hòa	1,19	1,19		Đã lập hồ sơ nhưng chưa thực hiện được thủ tục do vướng xác nhận hoàn tất bồi thường	2021

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích năm 2022	Diện tích tăng trong kỳ	Sử dụng từ các loại đất																								Biến động Tăng (+) Giảm (-)	Diện tích năm 2023							
				NNP	LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RDD	RSX	NTS	NKH	PNN	CQP	CAN	SKC	SKX	DHT	DGT	DTL	TON	NTD	ONT	ODT	TSC			DSH	TIN	SON	MNC			
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,85	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,85
2.12	Đất ở tại nông thôn	940,37	8,71	8,71	-	-	-	-	8,71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,41	948,78	
2.13	Đất ở tại đô thị	178,05	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(0,75)	177,30	
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,50	0,06	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,06	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-0,57	17,93	
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	15,14	0,90	0,90	-	-	-	0,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,90	16,04		
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-0,01	13,37		
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.718,60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2,02)	1.716,58		
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.886,54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-4,56	13.881,98		
Diện tích giảm trong kỳ				191,87	14,39	10,13	4,26	18,93	86,68	-	-	65,70	5,96	0,21	19,02	-	-	0,58	-	10,17	7,31	1,42	1,44	-	0,30	0,75	0,63	-	0,01	2,02	4,56					